



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, Gia Lai

Điện thoại: (0269) 3830013

Fax: (0269) 3830013

Website: www.ghc.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI



Pleiku, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: Quý Khách hàng, Đối tác, Cổ đông!

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai (GHC), Tôi xin gửi tới Quý Khách hàng, Đối tác, Cổ đông lời chào trân trọng.

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai. Chúng tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua, cũng như chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Thủy điện Gia Lai trong giai đoạn tới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành với Công ty, qua đây Tôi xin gửi lời tri ân tới toàn thể Cán bộ nhân viên Công ty vì những nỗ lực hết mình đóng góp vào thành quả chung của GHC trong những năm qua và cùng hướng đến thành công mới trong năm 2019.

Trân trọng cảm ơn,

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hà Quốc Kiệt

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	4
	Thông tin khái quát	4
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
	Định hướng phát triển	8
	Các rủi ro	8
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018	11
	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018	11
	Tổ chức và nhân sự	11
	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	15
	Tình hình tài chính	20
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	22
	Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018	22
	Tình hình tài chính	23
	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019	24
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	26
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	26
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	27
	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	28
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	31
	Hội đồng quản trị	31
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	38

PHẦN A: THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**
- Giấy CNĐKDN : số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/05/2002, thay đổi lần 10 ngày 04 tháng 01 năm 2019
- Vốn điều lệ : 205.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm tỷ đồng)
- Địa chỉ : 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (0269) 383 0013
- Fax : (0269) 383 0013
- Website : www.ghc.vn
- Mã cổ phiếu : **GHC**

Quá trình hình thành và phát triển:

14/03/2002

- Tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai được thành lập theo Hợp đồng kinh tế số 01-14-03-2002/PC3-ĐGL-01 giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng công ty điện lực miền Trung) và Công ty Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần điện Gia Lai), với tổng vốn điều lệ 6 tỷ đồng.

02/06/2008

- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển điện Gia Lai đã chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

2009

- Tháng 03/2009 Công ty chính thức đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN.
- Tháng 11/2009 tăng vốn điều lệ thực góp lên 100 tỷ đồng

2011

- Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2014

- Ngày 28/10/2014 tăng vốn điều lệ thực góp lên 205 tỷ đồng.
- Đến ngày 29/12/2018 là 4028 cổ đông.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Hiện nay hoạt động sản xuất chính của Công ty là đầu tư xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ theo hình thức BOO (Đầu tư xây dựng – Sở hữu – Vận hành kinh doanh). Nguồn doanh thu chính của Công ty trong các năm qua toàn bộ từ vận hành sản xuất điện năng của 02 nhà máy thủy điện H'Chan và nhà máy thủy điện H'Mun.



Nhà máy thủy điện H'Chan

Công suất 12 MW

Địa chỉ: xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Nhà máy được khởi công xây dựng từ năm 2002 và hoàn thành đưa vào khai thác vận hành từ tháng 09/2006 với sản lượng điện trung bình hàng năm là 55 triệu kWh.



Nhà máy thủy điện H'Mun

Công suất 16,2 MW

Địa chỉ: xã Bar Maih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

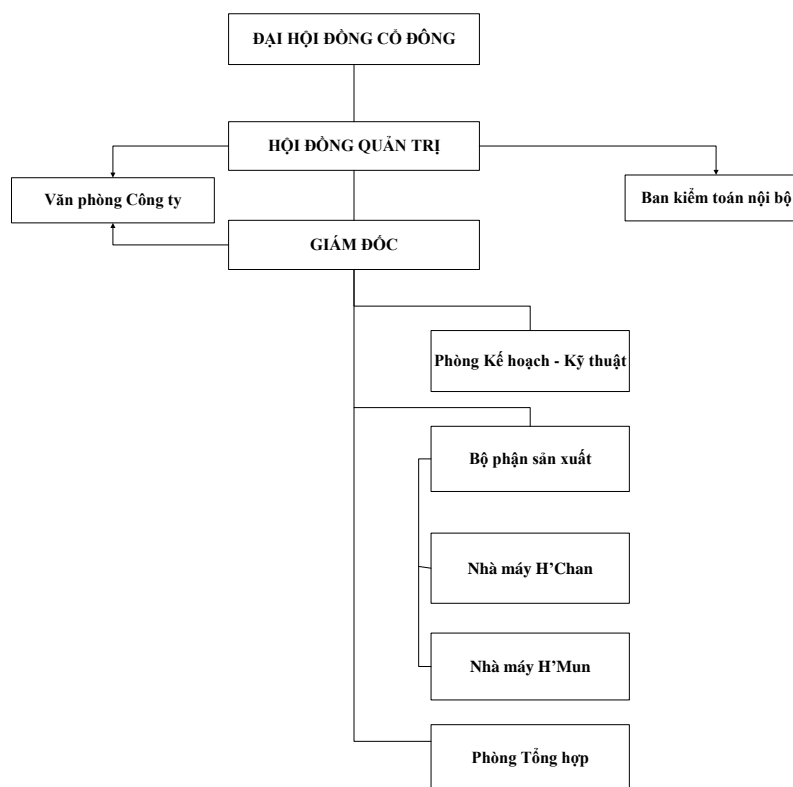
Nhà máy được chính thức thi công xây dựng vào tháng 08/2007. Đến ngày 02/01/2011, nhà máy thủy điện H'Mun chính thức khánh thành, với sản lượng điện trung bình hàng năm là 66 triệu kWh.

- Sản lượng điện và doanh thu trong các năm 2017 và năm 2018 của Công ty như sau :

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Sản lượng kế hoạch (triệu kWh)	113,64	117,34
2	Sản lượng thực hiện (triệu kWh)	144,89	127,35
3	Tỷ lệ thực hiện (%)	127,50%	109 %
4	Doanh thu bán điện (triệu đồng)	166.093	156.090

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Mô hình quản trị:



Công ty được tổ chức theo cơ cấu sau:

- Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy định của Công ty. Hoạt động theo phương thức tập trung, dân chủ, quyết định tập thể.
- Ban kiểm toán nội bộ:** là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, có trách nhiệm tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các văn bản có liên quan và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Hoạt động theo nguyên tắc thủ trưởng.
- Giám đốc:** là người đứng đầu bộ máy điều hành, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
- Các Đơn vị:** phụ trách lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp theo từng thời kỳ. Lĩnh vực có chức năng giám sát lĩnh vực khác thì không được tổ chức thuộc cùng một Đơn vị.

Tổ chức bộ máy vận hành theo nguyên tắc:

- ✓ Quản trị: tập trung – chuẩn mực
- ✓ Kiểm soát: độc lập – trách nhiệm
- ✓ Điều hành: phân cấp – chuyên nghiệp

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

❖ **Hội đồng quản trị:**



Ông Hà Quốc Kiệt
Chủ tịch HĐQT



Ông Nguyễn Đình Tuấn
Thành viên HĐQT



Ông Phạm Trọng Quý Châu
Thành viên HĐQT



Ông Hà Nguyên Hoàng
Thành viên HĐQT

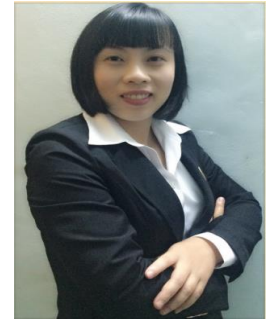
❖ **Ban Điều hành**



Ông Trịnh Vinh Thanh
Giám Đốc



Ông Hồ Quý Tri Thức
Phó Giám Đốc



Bà Võ Thị Tuyết Diệp
Kế toán trưởng

4. Định hướng phát triển

- Bên cạnh mục tiêu duy trì và phát triển hoạt động của nhà máy thủy điện H'Chan và H'Mun, trong năm 2018 Công ty đã nghiên cứu và đầu tư vào dự án điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 ở Bình Thuận để mang lại lợi ích cao và mở rộng phát triển của công ty. Trên đà phát triển đó, Ban Lãnh đạo Công ty sẽ nghiên cứu, khảo sát các dự án năng lượng khác để nâng tầm giá trị thương hiệu GHC;

- Xác định được yếu tố con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công của GHC, chính vì vậy Công ty không ngừng đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhân viên kỹ thuật lành nghề để chủ động tiếp cận những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng thị trường.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trên cơ sở tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả công việc.
- Hiện tại sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm và việc tiêu thụ điện đã được đảm bảo bởi Hợp đồng mua bán điện dài hạn được ký giữa Công ty và Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty điện lực Miền Trung). Do đó các hoạt động marketing của Công ty trong tương lai gần chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực khác mà Công ty đang dự định hướng đến.
- Phương châm của Công ty trong xây dựng mối quan hệ khách hàng là uy tín, cam kết chất lượng sản phẩm, hỗ trợ lẫn nhau tìm giải pháp để cùng tháo gỡ khó khăn trong kinh doanh. Công ty cũng chú trọng nâng cao hình ảnh của mình thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng của Công ty cũng như chú trọng cập nhật website của Công ty.
- Bên cạnh việc chú trọng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ phát huy hơn nữa tinh thần tương thân tương ái trong nội bộ, trong cộng đồng vì sứ mệnh: Doanh nghiệp vì cộng đồng phát triển địa phương.
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, thực hiện tối ưu hóa chi phí trong sản xuất kinh doanh. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng trên cơ sở phát huy các giá trị truyền thống của ngành điện, tạo môi trường làm việc lành mạnh để người lao động thêm gắn bó với Công ty.
- Thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Thời tiết:

- Đối với các nhà máy hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, sản lượng điện sản xuất phụ thuộc chủ yếu vào lượng nước đổ vào các hồ chứa. Trong trường hợp nước trong các hồ chứa bị thiếu hụt, thậm chí bị cạn nước do sự biến đổi thất thường của thời tiết như hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm trong cả mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với mức thiết kế, khiến sản lượng điện sản xuất của nhà máy không đạt mục tiêu đề ra.
- Để ứng phó với các biến đổi này, Công ty luôn cố gắng theo sát dự báo khí hậu và thủy văn để có phương án kịp thời nhằm vận hành hồ chứa hiệu quả, từ đó xây dựng phương án phát điện tối ưu.
- Đối với các rủi ro thời tiết khác như lũ quét, mưa lớn..., gây thiệt hại cho các công trình đập của nhà máy, cũng như gây ra sự cố trong việc cung ứng điện, Công ty luôn sẵn sàng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

- Thị trường tiêu thụ:

Sản lượng điện phát ra tại các nhà máy đều bán cho một khách hàng duy nhất là Tổng Công ty Điện lực Miền trung (CPC) nên các rủi ro về yếu tố cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ở thời điểm hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

- Rủi ro về cơ chế giá bán điện lên kỳ vọng Doanh nghiệp và Nhà đầu tư:

- Hiện nay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) với vai trò là đơn vị mua buôn điện duy nhất trong thị trường phát điện cạnh tranh, có trách nhiệm thực hiện tính toán giá bán điện bình quân, điều chỉnh giá bán điện bình quân và báo cáo với Bộ Công Thương (khoản 3, điều 8, Quyết định số 24– Quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân), đồng thời EVN được điều chỉnh tăng hoặc giảm giá bán điện bình quân trong phạm vi khung giá do Thủ tướng Chính phủ quy định (khoản 6, Điều 3, Quyết định số 24).
- Việc Bộ Công Thương trao quyền cho EVN tự tính toán biến động thông số đầu vào của tất cả các khâu (phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều hành - quản lý ngành và dịch vụ phụ trợ hệ thống điện) so với thông số được sử dụng để xác định giá bán điện bình quân hiện hành (khoản 1, điều 3, Quyết định số 24), làm căn cứ điều chỉnh giá bán điện tác động không nhỏ tới kỳ vọng của Doanh nghiệp và Nhà đầu tư.
- Mới đây nhất, ngày 30/11/2017, với sự chấp thuận của Bộ Công Thương, EVN đã công bố mức giá bán mới là 1.720,65 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), tăng 6,08% so với giá bán điện bình quân hiện hành (1.622,01 đồng/kWh) và áp dụng ngay ngày 01/12/2017 khiến các doanh nghiệp không kịp chuẩn bị tâm lý. Mặc dù việc EVN tăng giá bán điện không đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp sản xuất điện sẽ tăng được giá bán điện cho EVN, nhưng việc tăng giá điện bán ra cũng khiến kỳ vọng của nhà đầu tư vào việc giá bán điện của các doanh nghiệp sản xuất điện bán cho EVN cũng sẽ tăng theo, kéo theo tăng giá cổ phiếu. Ngược lại, nếu EVN giảm giá bán điện bình quân hiện hành, kỳ vọng của nhà đầu tư vào giá bán điện của doanh nghiệp sẽ giảm đi, kéo theo giảm giá cổ phiếu.

- Nhu cầu điện hiện nay: do nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh nên nhu cầu điện cao hơn so với nguồn cung sản xuất điện. Tuy nhiên trong trường hợp nền kinh tế quốc gia không ổn định sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng điện năng đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất.

- Rủi ro thực hiện các mục tiêu của Công ty:

- **Khủng hoảng tài chính, biến động trong chính sách điều hành vĩ mô:** quá trình triển khai các dự án trọng điểm của Công ty sẽ hoàn tất theo đúng tiến độ khi không có biến động về chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực xây dựng công trình thủy điện như: thủ tục pháp lý, cấp phép đầu tư, vận hành khai thác... Trong trường hợp các vấn đề trên có biến động theo chiều hướng xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xây dựng và hoàn thành các nhà máy thủy điện.
- **Biến động lãi suất, tỷ giá:** sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển mới các nhà máy thủy điện cũng như các hoạt động đầu tư mới.

- **Pháp luật:** Chính phủ Việt Nam đã và đang có những nỗ lực trong quá trình thể chế hoá hệ thống luật pháp, cải cách hành chính tạo điều kiện tốt cho các doanh nghiệp trong ngành điện nói chung và ngành thủy điện nói riêng. Tuy nhiên, việc thường xuyên điều chỉnh các văn bản pháp luật Việt Nam gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh. Dễ nhận thấy, quá trình tự do hoá ngành điện của Việt Nam nói chung và ngành thủy điện nói riêng diễn ra chậm chạp và nặng nề. Tính tới thời điểm hiện tại, phát triển thị trường điện ở nước ta mới đi được 1/2 chặng đường. Ngày 26/12/2017, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 4804/QĐ-BTC phê duyệt phương án vận hành thị trường điện bán buôn cạnh tranh thí điểm năm 2018 để chuẩn bị cho việc vận hành chính thức thị trường bán buôn điện cạnh tranh từ năm 2019. Đặc biệt, các công ty đại chúng ngoài chịu sự tác động của một số quy định pháp luật cơ bản như Luật Doanh nghiệp, còn chịu sự chi phối của Luật chứng khoán, các Thông tư hướng dẫn công bố thông tin,... Vì thế, Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung phải luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật trên thị trường chứng khoán, quy định về Luật Điện Lực, đồng thời tham khảo ý kiến từ các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.
- Một số rủi ro khác như chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về Phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy ...

PHẦN B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2018	TH 2018	So sánh (%) TH/KH 2018
A	B	C	1	2	4=2/1
1	Điện thương phẩm	tr kWh	117,34	127,35	109%
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	147,98	162,83	110%
	<i>Doanh thu bán điện</i>	tỷ đ	143,66	156,09	109%
	<i>Doanh thu tài chính</i>	tỷ đ	4,32	6,55	152%
	<i>Thu nhập khác</i>	tỷ đ		0,19	
3	Tổng chi phí	tỷ đ	53,96	53,22	99%
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	tỷ đ	49,54	49,14	99%
	<i>Chi phí tài chính</i>	tỷ đ		0,08	
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	tỷ đ	4,42	3,48	79%
	<i>Chi phí khác</i>	tỷ đ		0,52	
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	94,02	109,61	117%
5	Thuế TNDN	tỷ đ	7,36	8,93	121%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	86,66	100,68	116%

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban Điều hành:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc
2	Ông Hồ Quý Tri Thức	Phó Giám đốc
2	Bà Võ Thị Tuyết Điệp	Kế toán trưởng

2.2. Sơ yếu lý lịch:

❖ Giám đốc công ty:

Họ và tên:	Trịnh Vinh Thanh
Ngày tháng năm sinh:	08/05/1977
CMND:	Số: 230511171, ngày cấp: 11/12/2010, nơi cấp: Gia Lai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Hoàng Văn Thái, P.Hoa Lư, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
Năm 2000	Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
Từ năm 2000 đến 30/5/2001	Làm việc tại XN tư doanh Hoàng Anh Gia Lai
Từ 01/06/2001 đến tháng 4/2002	Làm việc tại NMTĐ A yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai
Từ tháng 5/2002 đến 10/2004	Làm việc tại Phòng Kỹ thuật – Công ty Điện Gia Lai

<i>Từ tháng 11/2004 đến 10/2005</i>	<i>Trạm phó thủy điện A Yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 11/2005 đến 10/2010</i>	<i>Phó phòng Kinh tế Kế hoạch – Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 10/2010 đến 31/12/2012</i>	<i>Phó phòng Quản lý sản xuất – Công ty CP Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 01/01/2013 đến nay</i>	<i>Phó phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
<i>Từ ngày 01/7/2016 đến 31/12/2016</i>	<i>Quyền trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
<i>Từ ngày 01/01/2017 đến 2018</i>	<i>Trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
<i>Từ 2019 đến nay</i>	<i>Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty CP Điện Gia Lai</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

❖ **Phó Giám đốc công ty:**

Họ và tên:	Hồ Quý Tri Thức
Ngày tháng năm sinh:	10/02/1973
CMND:	230498057 Ngày cấp: 25/11/2016 Nơi cấp: Gia Lai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bôi Thành – Phú Vang – Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	Lê Đình Chinh, phường Hoa Lư, Pleiku, Gia Lai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ xây dựng dân dụng và công nghiệp
Quá trình công tác:	
<i>Từ năm 1999 – năm 2009</i>	<i>Kỹ thuật viên đội xây lắp – Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ năm 2009 – 30/6/2011</i>	<i>Phó phòng KH-KT Công ty CP Thủy Điện Gia Lai</i>
<i>Từ 30/6/2011 – năm 2013</i>	<i>Chuyên viên Công ty CP Điện Gia Lai</i>
<i>Từ 01/01/2014 – 15/4/2018</i>	<i>Phó phòng KTSX và Phó Phòng QLDA Công ty CP Điện Gia Lai</i>
<i>Từ 15/4/2018 đến 2018</i>	<i>Trưởng Phòng QLDA Công ty CP Điện Gia Lai</i>
<i>Từ 2019</i>	<i>Trưởng phòng Phát triển dự án Công ty CP Điện Gia Lai</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Phó Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

❖ **Kế toán trưởng**

Họ và tên:	Võ Thị Tuyết Diệp
Ngày tháng năm sinh:	15/04/1985
Nơi sinh:	Bình Định
CMND:	số 231156404, tại Gia Lai, cấp ngày 08/02/2014
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Mỹ hòa, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	33/12 Trần Quang Diệu – Pleiku – Gia Lai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	
<i>Từ tháng 12/2006 đến tháng 7/2015</i>	Kế toán Công ty TNHH đầu tư và phát triển Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai)
<i>Từ tháng 08/2015 đến 12/02/2017</i>	<i>Phụ trách kế toán – Công ty CP thủy điện Gia Lai</i>
<i>Từ ngày 13/02/2017 đến nay</i>	<i>Kế toán trưởng – Công ty CP thủy điện Gia Lai</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ :	2.600 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	2.600 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2.3. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

Hội đồng quản trị thống nhất Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai đối với Ông HỒ QUÍ TRI THỨC, kể từ ngày 26/6/2018.

Ông HỒ QUÍ TRI THỨC được toàn quyền điều hành, triển khai dự án Nhà máy điện mặt trời TTC Hàm Phú 2.

2.4. Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2018:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2018: 68 CBCNV.

Cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo trình độ			
1	Cán bộ có trình độ trên đại học	01	1,5
2	Cán bộ có trình độ đại học	18	26,5
3	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	40	58,8
4	Nhân viên kỹ thuật	06	8,8
5	Lao động phổ thông/lao động khác	03	4,4
Phân loại theo phòng ban chức năng			
1	Ban Giám đốc	02	2,94
2	Văn phòng công ty	02	2,94
3	Phòng Tổng hợp	04	5,88
4	Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật	02	2,94
5	Bộ phận sản xuất	39	57,36
6	Ban QLDA ĐMT TTC Hàm Phú 2	19	27,94
Tổng cộng		68	100

- Chính sách lương, thưởng:

- Tiền lương bình quân người lao động Công ty tại 02 nhà máy trong năm 2018 là 13,41 tr.đồng/người/tháng.
- Công ty đã xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, xét nâng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực phấn đấu cho tất cả CBCNV Công ty. Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty còn thực hiện chi trả lương tháng 13, thưởng hiệu quả cuối năm, tặng quà vào các ngày lễ trong năm cho CBCNV.
- Chính sách lương thưởng: Đối với CBNV Bộ phận sản xuất Công ty áp dụng chính sách trả lương khoán theo doanh thu, CBNV khối văn phòng hưởng lương theo chức danh công việc.
- Ngoài mức lương khoán, Công ty khuyến khích lao động bằng khoản thưởng vào ngày lễ, tết và các dịp đặc biệt và các chính sách phúc lợi, trợ cấp bao gồm: trợ cấp ốm đau, thai sản, tặng quà hoặc hiện kim ngày sinh nhật, kết hôn...và các chế độ khác áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.

- Đồng thời, thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.
- Quan tâm đến chế độ, đời sống CBCNV, tạo điều kiện để hoạt động thuận lợi và phối hợp tốt với công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.
- **Hoạt động đào tạo người lao động:**
 - Chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề vì đó là nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và phát triển một doanh nghiệp.
 - Quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước; tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các nhà máy thủy điện đang hoạt động trong hệ thống GEC Group nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc.
- **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**
 - Công ty có những chính sách đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.
 - Xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV.
 - Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBCNV được tham gia khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát. Phối hợp với Công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức các phong trào thể thao, văn hóa, văn nghệ, chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV.
- **Chính sách tuyển dụng nhân sự:**
 - Cơ sở cho hoạt động tuyển dụng của Công ty chính là quy trình tuyển dụng công khai, công bằng đối với tất cả các ứng viên. Để tận dụng tối đa thế mạnh về nguồn Nhân lực, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ, chính sách đối với người lao động cũng như môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy khả năng và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty áp dụng các chế độ đãi ngộ đối với những nhân sự làm việc xa xứ nhằm động viên, khích lệ tinh thần làm việc của CBCNV. Đặc biệt, Công ty chú ý phát triển nguồn nhân lực địa phương với ưu điểm ổn định cũng như đạt được mục đích tạo thêm việc làm cho con em địa phương.
 - Bên cạnh công tác tuyển dụng nhân sự truyền thống, hiện nay, Công ty thực hiện chính sách thu hút nhân tài thông qua các hoạt động tuyển sinh, phối hợp với các đơn vị đào tạo vận hành nhà máy, nhằm phục vụ cho đội ngũ nhân sự làm việc tại các Ban quản lý dự án.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án: Nhà máy điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai;

- Địa điểm xây dựng: xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận;
- Quy mô công suất: 49 MWp; 40,8 MW;
- Diện tích sử dụng đất có thời hạn:
 - + Diện tích đất khu vực nhà máy và trạm: 54,2 ha;
 - + Diện tích đất đường dây (bên ngoài khu vực nhà máy): 4.112 m²;
- Tổng mức đầu tư của dự án (đã bao gồm thuế VAT): 1,017,452,348,164 đồng
(Bằng chữ: Một ngàn, không trăm mười bảy tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi bốn đồng).
- Tổng thầu thi công EPC: Liên danh giữa Tập đoàn Sharp và Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp NSN;
- Một số thông tin liên quan:
 - + Tấm pin mặt trời: công suất 330Wp/panel; loại pin: đa tinh thể; Mã hiệu: ND-AF330H; Hãng sản xuất: Sharp; Nước sản xuất: Trung Quốc;
 - + Công suất trạm biến áp: 1x63MVA;
 - + Đường dây đấu nối, truyền tải dự án vào lưới điện Quốc gia: cấp điện áp: 110 kV; chiều dài: 1,95 km; số mạch: 02; dây dẫn: ACSR-185/29 mm²
- Thời gian khởi công xây dựng dự án: 31/07/2019;
- Thời gian dự kiến hoàn thành, đưa vào hoạt động dự án: 30/04/2019

Các văn bản pháp lý về dự án:

STT	Nội dung	Văn bản pháp lý (Số/ngày/cơ quan, đơn vị ban hành văn bản)
1	Chủ trương cho nhà đầu tư đăng ký dự án điện mặt trời khảo sát, đo năng	Công văn số 728/UBND-KT ngày 03/03/2017 của UBND Tỉnh Bình Thuận
2	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung danh mục Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2, công suất 49MWp vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 – 2015, có xét đến 2020	Quyết định số 1613/QĐ-BCT ngày 09/05/2018 của Bộ Công thương
3	Quyết định chủ trương đầu tư	Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 16/07/2018 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
4	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chứng nhận đăng ký đầu tư số 2326266056 ngày 10/08/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận
5	Thẩm định Thiết kế cơ sở dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2, tỉnh Bình Thuận	Văn bản số 1688/ĐL-NLTT ngày 14/09/2018 của Bộ Công thương
6	Thẩm định Thiết kế kỹ thuật/ Thiết kế bản vẽ thi công	Văn bản số 2289/ĐL-NLTT ngày 12/12/2018 của Bộ Công thương

7	Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận
8	Thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV dự án Nhà máy điện mặt trời Hàm Phú 1 và 2	Công văn số 2134/UBND-KT ngày 29/05/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận
9	Giấy Chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy	Giấy Chứng nhận số 3650/TD-PCCC ngày 29/08/2018 của Công an tỉnh Bình Thuận
10	Thỏa thuận vị trí đầu nối vào ĐT.714 tại KM6+327 (bên trái tuyến) để làm đường vào dự án Nhà máy ĐMT TTC Hàm Phú 1 và 2	Công văn số 2374/SGTVT-HTGT ngày 10/07/2018 của Sở Giao thông vận tải
11	Thỏa thuận cấp nước sinh hoạt, rửa pin và thỏa thuận thoát nước	
12	Công văn về việc công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án “Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2”	Công văn số 183/CV-GHC ngày 24/09/2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
13	Cam kết an toàn mặt bằng đã được rà phá bom mìn	Cam kết an toàn số 14/CKAT-HV ngày 18/04/2018 của Công ty TNHH MTV XDVT Hùng Vương
14	Quyết định về việc cho Công ty CP Thủy điện Gia Lai chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án NM ĐMT TTC – Hàm Phú 2 tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc	Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận
15	Hợp đồng mua bán điện	Hợp đồng số 12/2018/HĐ-NMĐMT-TTC-HAM PHU
16	Các thỏa thuận với ngành điện:	
	Thỏa thuận đầu nối đường dây 110kV	Thỏa thuận đầu nối số 07/2018/EVNSPC-SOLAR.HAMPHU.02 ngày 18/07/2018 của Tổng công ty điện lực Miền Nam
	Thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hạng mục SCADA và viễn thông	Thỏa thuận ngày 01/11/2018 của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia
	Thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng và hệ thống thu thập số liệu đo đếm	Thỏa thuận số 4491/EPTC-KT&CNTT-KDBĐ ngày 19/11/2018 của Công ty Mua bán điện
	Thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hệ thống rơ le bảo vệ và tự động	Thỏa thuận số 96/2018/ĐĐQG-TTRL ngày 29/10/2018 của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia
17	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư	Quyết định số 19A/2018/QĐ-HĐQT ngày 15/09/2018 của Công ty CP Thủy điện Gia Lai

18	Quyết định phê duyệt Thiết kế kỹ thuật	Quyết định số 28A/2018/QĐ-HĐQT ngày 13/12/2018 của Công ty CP Thủy điện Gia Lai
19	Quyết định phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công	Quyết định số 28B/2018/QĐ-HĐQT ngày 13/12/2018 của Công ty CP Thủy điện Gia Lai
20	Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2	Hợp đồng số 125/18/VCB.GHC ngày 10/09/2018 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai
Các văn bản pháp lý liên quan khác:		
21	Báo cáo thẩm tra TKCS	Báo cáo thẩm tra số 67/TT-TV của Trung tâm tư vấn, đào tạo, thông tin điện lực và năng lượng tái tạo ngày 25/05/2018 báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ TKCS nhà máy điện mặt trời TTC-Hàm Phú 2
	Báo cáo thẩm tra TKKT	Báo cáo thẩm tra số 141/TT-TV ngày 28/09/2018 của Liên danh Trung tâm tư vấn, đào tạo, thông tin điện lực và Năng lượng tái tạo và Viện khoa học năng lượng về báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC-Hàm Phú 2



Về tình hình xây dựng các hạng mục dự án:

TT	Nội dung công việc	Tổng khối lượng công việc đã thực hiện đến kỳ báo cáo	Khối lượng công việc đã thực hiện đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ % khối lượng đã thực hiện	Khối lượng thực hiện còn lại
I					
1	Thi công móng cọc	19.989 móng	19.989 móng	100%	0
2	Lắp đặt khung giá đỡ tấm pin	2.571 khung	2.571 khung	100%	0
3	Lắp đặt tấm pin	2.571 khung	2.571 khung	100%	0
4	Thi công móng trạm Inverter	08 bộ	08 bộ	100%	0
5	Lắp đặt Inverter	08 bộ	08 bộ	100%	0
6	Lắp đặt tủ điện, dây dẫn, các thiết bị điện liên quan khác	100%	100%	100%	0
7	Nhà quản lý điều hành, hàng rào, ...	100%	100%	90%	10%
8	Hệ thống đường giao thông	27.190 m ²	11.040 m ²	41%	16.150 m ²
9	Các hạng mục khác	100%	80%	80%	20%
II	Hạng mục đường dây, trạm biến áp và trạm cắt				
II.1	Đường dây				
1	Móng cột	14 bộ	14 bộ	100%	0
2	Lắp dựng cột	14 bộ	14 bộ	100%	0
3	Lắp đặt dây dẫn	1.950 m	1.000 m	51%	950 m
II.2	Trạm biến áp				
1	Các hạng mục xây dựng của Trạm	100%	95%	95%	5%
2	Lắp đặt máy biến áp	01 bộ	01 bộ	100%	0
3	Lắp đặt các thiết bị khác của Trạm	100%	95%	95%	5%

Về tình hình bồi thường giải phóng mặt bằng và san gạt mặt bằng:

TT	Nội dung công việc	Tổng diện tích (ha)	Tình hình đã thực hiện đến kỳ báo cáo (ha)	Tỷ lệ % đã thực hiện
1	Bồi thường giải phóng mặt bằng:			
1.a	Nhà máy	54,2	54,2	100%
1.b	Đường dây 110kV	0,4112	0,4112	100%
2	San gạt mặt bằng			
2.a	Nhà máy	0,4112	0,4112	100%
2.b	Đường dây 110kV	0,4112	0,4112	100%

3.2 Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: không

4. Tình hình tài chính của Công ty năm 2018:

4.1 Báo cáo tình hình tài chính:

ĐVT: tr.đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	415.311	463.088	+ 11,5%
2	Doanh thu thuần	166.093	156.090	-6%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	125.399	106.948	-14,7%
4	Lợi nhuận khác	394	-334	
5	Lợi nhuận trước thuế	125.793	109.610	-12,8%
6	Lợi nhuận sau thuế	114.801	100.684	-12,3%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	5.320	4.666	-12,3%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	45%	30%	-33,3%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
▪ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,57	0,94
▪ Hệ số thanh toán nhanh	2,54	0,92
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
▪ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,18	0,24
▪ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,31
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,40	0,34
▪ Vòng quay hàng tồn kho	21,69	22,56
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	0,69	0,65
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,34	0,29
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	0,28	0,22
▪ Hệ số lợi nhuận HĐKD/DTT	0,75	0,70

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần: Đến thời điểm 06/12/2018, cổ phần đang lưu hành như sau:

- Tổng số cổ phần : 20.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 20.500.000 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông: Đến thời điểm 06/12/2018

T T	Danh mục	ĐVT	Số lượng CĐ	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Tổng cộng	Tỷ lệ %
I	TỔ CHỨC		11	630,000	12,340,260	12,970,260	63.27
1	Tổ chức trong nước	CP	5	630,000	11,938,860	12,568,860	61.31
2	Tổ chức nước ngoài	CP	6	0	401,400	401,400	1.96
II	CÁ NHÂN		3983	2,703,192	4,826,548	7,529,740	36.73
1	Trong nước	CP	3976	2,703,192	4,821,482	7,524,674	36.71
2	Nước ngoài	CP	7	0	5,066	5,066	0.02
III	TỔNG CỘNG		3994	3,333,192	17,166,808	20,500,000	100.00

Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 06/12/2018

TT	Cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Điện Gia Lai	5900181213	114 Trường Chinh, TP Pleiku, Gia Lai	11.919.364	58,14
	Cộng			11.919.364	58,14

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai chốt ngày 06/12/2018)

5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

5.4. Các chứng khoán khác: không

PHẦN C: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2018	TH 2018	So sánh (%) TH/KH 2018
A	B	C	1	2	4=2/1
1	Điện thương phẩm	tr kWh	117,34	127,35	109%
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	147,98	162,83	110%
	<i>Doanh thu bán điện</i>	tỷ đ	143,66	156,09	109%
	<i>Doanh thu tài chính</i>	tỷ đ	4,32	6,55	152%
	<i>Thu nhập khác</i>	tỷ đ		0,19	
3	Tổng chi phí	tỷ đ	53,96	53,22	99%
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	tỷ đ	49,54	49,14	99%
	<i>Chi phí tài chính</i>	tỷ đ		0,08	
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	tỷ đ	4,42	3,48	79%
	<i>Chi phí khác</i>	tỷ đ		0,52	
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	94,02	109,61	117%
5	Thuế TNDN	tỷ đ	7,36	8,93	121%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	86,66	100,68	116%

Kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng trong năm 2018:

- Theo dõi, giám sát công tác quản lý, vận hành có hiệu quả các thiết bị trong dây truyền sản xuất điện, đảm bảo an toàn cho con người, thiết bị, đáp ứng phương thức vận hành của hệ thống theo thị trường.
- Thực hiện tốt phương thức và biểu đồ công suất của điều độ cấp trên, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra đảm bảo đưa thiết bị trở lại vận hành một cách nhanh nhất, thực hiện các phương thức vận hành đảm bảo cung cấp nước cho vụ đông xuân vùng hạ du. Đảm bảo số lượng các tổ máy được huy động theo lịch biểu kế hoạch, đáp ứng công suất phát và chạy bù theo yêu cầu huy động.
- Luôn chủ động trong công tác vận hành an toàn máy móc thiết bị, thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và vận hành thiết bị cơ điện nhà máy, trạm biến áp, đường dây và các hạng mục công trình thủy công... đảm bảo các nhà máy vận hành liên tục, không để sự cố do chủ quan xảy ra;
- Thực hiện phương án phối hợp để đảm bảo để nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tối đa doanh thu của cả 02 nhà máy;
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đến các Sở Ban ngành để đảm bảo công tác vận hành theo đúng quy định của pháp luật;
- Bám sát các nội dung công việc do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó về việc đầu tư nhà máy điện mặt trời TTC Hàm Phú 2.
- Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định và phát triển thêm nguồn nhân lực mới, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và tăng cường đào tạo nâng cao nguồn nhân lực cho tất cả các vị trí trong Công ty để đáp ứng theo yêu cầu công việc mới.

- Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh, nhằm tối đa hoá lợi nhuận.
- Công tác quản trị, minh bạch hoá của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định tại các Thông tư, Nghị định mới như Thông tư 155/2015/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐCP hướng dẫn quản trị Công ty đại chúng... Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được kiểm toán bởi các đơn vị kiểm toán hàng đầu, phản ánh trung thực tình hình sản xuất của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	2017	2018
A. Tài sản ngắn hạn	195.924.987.526	103.442.777.125
B. Tài sản dài hạn	219.386.116.153	359.645.706.414
C. Tổng tài sản	415.311.103.679	463.088.483.539
D. Nợ phải trả	76.289.212.720	110.416.769.049
E. Nguồn vốn chủ sở hữu	339.021.890.959	352.671.714.490
F. Tổng nguồn vốn	415.311.103.679	463.088.483.539

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,57	0,94
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,54	0,92
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,18	0,24
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,31
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	21,69	22,56
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,40	0,34
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,69	0,65
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,34	0,29
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,28	0,22
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,75	0,70

2.2. Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: VNĐ

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1. Nợ ngắn hạn	76.289.212.720	110.416.769.049
+ Phải trả người bán ngắn hạn	3.927.400.841	38.913.147.225
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.741.410.320	4.510.220.643
+ Phải trả người lao động	136.602.794	85.893.562
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	60.000.000	161.951.325
+ Phải trả ngắn hạn khác	51.049.630.532	4.824.709.404
+ Vay ngắn hạn		49.986.984.250
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.374.168.233	11.933.862.640
2. Nợ dài hạn		
+ Vay dài hạn		

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

3.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2019:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	TH 2018	So sánh (%) KH2019/TH 2018
A	B	C	1	2	3=1/2
1	Điện thương phẩm	tr kWh	155,91	127,35	122%
	NM TĐ H'Chan	tr kWh	53,28	56,94	94%
	NM TĐ H'Mun	tr kWh	65,22	70,41	93%
	NM ĐMT TTC Hàm Phú 2	tr kWh	37,41		
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	227,80	162,83	140%
2.1	Doanh thu bán điện	tỷ đ	227,80	156,09	146%
	NMTĐ H'Chan	tỷ đ	65,71	69,00	95%
	NMTĐ H'Mun	tỷ đ	82,52	87,09	95%
	NM ĐMT TTC Hàm Phú 2	tỷ đ	79,57		
2.2	Doanh thu tài chính	tỷ đ		6,55	0%
2.3	Thu nhập khác	tỷ đ		0,19	0%
3	Tổng chi phí	tỷ đ	118,42	53,22	223%
3.1	Giá vốn hàng bán	tỷ đ	82,69	49,14	168%
	NMTĐ H'Chan	tỷ đ	20,35	19,17	106%
	NMTĐ H'Mun	tỷ đ	32,48	29,97	108%
	NM ĐMT TTC Hàm Phú 2	tỷ đ	29,86		
3.2	Chi phí tài chính	tỷ đ	28,04	0,08	36529%
3.3	Chi phí quản lý DN	tỷ đ	7,69	3,48	221%
3.4	Chi phí khác	tỷ đ		0,52	0%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	109,38	109,61	100%
5	Thuế TNDN	tỷ đ	8,55	8,93	96%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	100,83	100,68	100%

3.2. Giải pháp thực hiện:

a. Về sản xuất kinh doanh điện năng:

- Tăng cường và chủ động kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế máy móc thiết bị nhà máy, trạm biến áp và đường dây truyền tải điện. Bảo đảm các nhà máy hoạt động thường xuyên, liên tục, không để xảy ra sự cố do chủ quan gây ra.
- Chủ động trong công tác phối hợp vận hành cho 2 nhà máy nhằm gia tăng hiệu quả công tác phát điện
- Hoàn thành công tác mua sắm các thiết bị dự phòng theo kế hoạch, đồng thời chủ động tìm kiếm thêm các nhà cung cấp thiết bị mới để đảm bảo cho công tác thay thế các thiết bị hư hỏng trong thời gian nhanh nhất.
- Xây dựng cơ chế thống kê về suất sự cố và đánh giá lại vật tư, thiết bị dự phòng trong các năm trước để có sự chuẩn bị chu đáo hơn, vừa đảm bảo tiết kiệm cho Công ty vừa đảm bảo khắc phục nhanh các sự cố xảy ra.
- Hoàn thành việc xây dựng nhà máy điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 trong quý II/2019.

b. Về công tác tài chính:

- Cân đối dòng tiền để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư Dự án điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 hiệu quả nhất và tối ưu nhất.
- Lập phương án sử dụng vốn tăng thêm để đảm bảo doanh thu và chi phí từ hoạt động tài chính theo kế hoạch được duyệt.

c. Công tác khác:

❖ Về nhân sự - tiền lương:

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác 5S tại các nhà máy và văn phòng làm việc.
- Tăng cường công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo nội bộ, đào tạo chuyên môn, tay nghề, thi sát hạch an toàn, thi nâng bậc...
- Phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, khuyến khích và biểu dương các cá nhân có thành tích đóng góp cho Công ty.

❖ Về công tác lập quy:

- Tiếp tục phát huy, áp dụng có hiệu quả hệ thống văn bản lập quy hiện có của Công ty.
- Rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh và sửa đổi một số văn bản lập quy, quy trình để phù hợp với thực tế của Công ty.

❖ Về công tác Công bố thông tin và quản lý cổ đông:

- Thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Rà soát lại các cổ đông nhỏ lẻ chưa nhận cổ tức, địa chỉ không rõ ràng để đưa ra phương án quản lý cổ đông phù hợp với quy định hiện hành.

PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) có 5 thành viên, đứng đầu là Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban như: Tiểu ban kỹ thuật, kinh doanh, tài chính, nhân sự tổ chức nhằm triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị hiệu quả, cụ thể như sau:

A. Kỹ thuật – Kinh doanh – Dự án:		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Hà Nguyên Hoàng – Thành viên HĐQT – Trưởng tiểu ban Ông Phạm Trọng Quý Châu – Thành viên HĐQT – Thành viên
2	Nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none">- Phụ trách công tác sản xuất, kỹ thuật, sửa chữa, bảo dưỡng;- Phụ trách công tác tìm kiếm và phát triển các dự án năng lượng của Công ty;- Phụ trách công tác phát triển công nghệ, phát triển sản xuất;- Tham gia nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;- Tham mưu Hội đồng quản trị phương án tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, nghiên cứu sản phẩm, phát triển dự án đầu tư xây dựng, đổi mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
B. Nhân sự, Tổ chức		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Lê An Khang – Chủ tịch HĐQT – Trưởng tiểu ban Ông Nguyễn Đình Tuấn – Thành viên HĐQT – Thành viên
2	Phân công nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none">- Phụ trách công tác tổ chức bộ máy, chính sách quản lý;- Phụ trách công tác nhân sự, tiền lương, đãi ngộ, tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật.

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tiến hành giám sát các hoạt động Ban Giám đốc các nội dung công việc như sau:

- Để thực hiện các mục tiêu đã được ĐHCĐ đề ra, HĐQT đã triển khai Nghị quyết của ĐHCĐ thông qua các cuộc họp, và lấy ý kiến bằng văn bản để bàn bạc, thống nhất các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cho Công ty;
- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự. HĐQT đã thảo luận

và thông qua các quyết định bằng nghị quyết/ biên bản sau mỗi kỳ họp về: các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng giám đốc có cơ sở triển khai.

- HĐQT đã thành lập Ủy Ban Kiểm toán (“Ban Kiểm toán nội bộ”) trực thuộc Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2021 và ban hành Điều lệ của Ủy Ban Kiểm toán (“Ban Kiểm toán nội bộ”) để giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc về việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty cũng như giám sát thường xuyên công tác triển khai tiến độ dự án điện mặt trời;
- HĐQT cùng Ban Giám đốc Công ty ban hành các nghị quyết, điều chỉnh/bổ sung các quy chế, quy trình, quy định nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty phù hợp với quy định tại Điều lệ và pháp luật Nhà nước.
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Giám Đốc và nghe Giám Đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty;
- Thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 đề ra; đồng thời chỉ đạo Ban điều hành bám sát thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Đưa ra những định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty nhằm hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao phó;
- Chỉ đạo thường xuyên, xuyên suốt, quyết liệt trong việc triển khai dự án điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 nhằm đảm bảo tiến độ đề ra;
- Hoàn thiện sơ đồ tổ chức hoạt động, điều chỉnh hệ thống văn bản lập quy tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của GHC;
- Hội đồng quản trị đã thảo luận và thống nhất về việc Thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai – Chi nhánh TTC Bình Thuận, tại địa chỉ: K45 Tôn Đức Thắng, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Thống nhất việc đầu tư để nâng cấp thiết bị và tăng hiệu suất cho nhà máy thủy điện H’Chan và H’Mun trong năm 2019 nhằm tối ưu hoạt động sản xuất của công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Dưới sự chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc, Công ty đã đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2018. Kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản được thực hiện và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế của Công ty. Hệ thống tổ chức, quản trị nguồn nhân lực, kiểm soát và quản lý của Công ty ngày một nâng cao, tiếp tục nâng cao hình ảnh Công ty, khẳng định uy tín và vị thế của công ty trên thị trường dịch vụ kỹ thuật.
- Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng đã có nhiều thay đổi để nâng tầm quản trị doanh nghiệp gắn liền với phát triển bền vững và có trách nhiệm xã hội. Theo đó, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2018, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty.
- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và sự mẫn cán cần thiết để thực hiện và hoàn thành nhiệm

vụ được giao. Sự phối hợp hoạt động và tinh thần đoàn kết nội bộ của cán bộ quản lý đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp; thân thiện và gắn kết, tạo tiền đề cho Công ty thực hiện hoàn thành các mục tiêu của ĐHCĐ và HĐQT đề ra.

- kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã đạt được kết quả như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2018	TH 2018	So sánh (%) TH/KH 2018
A	B	C	1	2	4=2/1
1	Điện thương phẩm	tr kWh	117,34	127,35	109%
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	147,98	162,83	110%
	<i>Doanh thu bán điện</i>	tỷ đ	143,66	156,09	109%
	<i>Doanh thu tài chính</i>	tỷ đ	4,32	6,55	152%
	<i>Thu nhập khác</i>	tỷ đ		0,19	
3	Tổng chi phí	tỷ đ	53,96	53,22	99%
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	tỷ đ	49,54	49,14	99%
	<i>Chi phí tài chính</i>	tỷ đ		0,08	
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	tỷ đ	4,42	3,48	79%
	<i>Chi phí khác</i>	tỷ đ		0,52	
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	94,02	109,61	117%
5	Thuế TNDN	tỷ đ	7,36	8,93	121%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	86,66	100,68	116%

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

a. Giải pháp trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành nhà máy điện:

- Đưa nhà máy Điện mặt trời TTC Bình Thuận hoạt động vào Quý II/2019;
- Hoàn thành việc nâng cấp thiết bị và tăng hiệu suất cho nhà máy thủy điện H'Chan và H'Mun nhằm tối ưu hoạt động sản xuất của công ty;
- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh chính của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án thủy điện vừa và nhỏ, năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) có tính khả thi cao trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận;
- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng - công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.
- Chủ động trong công tác phối hợp để tăng hiệu quả vận hành cho 2 nhà máy;
- Thực hiện bảo dưỡng, duy tu, thí nghiệm định kỳ các thiết bị đầy đủ và đúng quy định hiện hành, đảm bảo hoàn thành trong mùa khô, để sẵn sàng cho việc phát điện mùa mưa đồng thời để giảm thiểu suất sự cố xảy ra;
- Chấp hành tốt các quy trình, quy phạm trong công tác quản lý vận hành nhà máy điện và các quy định trong quy trình an toàn điện;
- Tính toán tối ưu phát điện, trong đó tập trung trí tuệ vào việc phân tích, dự báo nước chạy máy để đạt được kết quả tối ưu, kết hợp với tính toán hiệu quả kinh tế phát điện vào giờ cao điểm, sử dụng kết quả phân tích để điều chỉnh phương án chạy máy trong các trường hợp cụ thể;

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin về thời tiết, thủy văn trên địa bàn và các khu vực thượng lưu để chủ động trong hoạt động phát điện.

b. Công tác tài chính và đầu tư:

- Đảm bảo thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ tiền bán điện;
- Chuẩn bị nguồn vốn để luôn sẵn sàng trong việc M&A các dự án năng lượng và đầu tư các dự án năng lượng khác;
- Chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng để tìm kiếm nguồn vốn và lãi suất ưu đãi.
- Quản lý tốt các khoản đầu tư tài chính.

c. Công tác nâng cao năng lực tổ chức và quản trị nhân lực:

- Xây dựng bộ máy tổ chức gọn nhẹ và tối ưu nguồn nhân lực hiện có.
- Không ngừng nâng cao ý thức tự thực hiện của mỗi người lao động và tư tưởng tối ưu hóa trong tất cả hành động của người lao động và các hoạt động của công ty trong quy trình sản xuất kinh doanh
- Hoàn thiện các quy định nội bộ liên quan quản trị nguồn nhân lực, bao gồm: tuyển dụng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, bổ nhiệm, mô tả công việc, tiêu chuẩn chức danh và cơ chế trả lương thưởng; lập và thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Cải thiện môi trường làm việc, thu nhập của người lao động gắn liền với nâng cao chất lượng nhân viên tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành.
- Thường xuyên đánh giá năng lực và khả năng của CBNV để bố trí công việc phù hợp, mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, những công nhân có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý, lãnh đạo.
- Sử dụng quỹ khen thưởng cho người lao động, thực hiện chính sách thưởng công bằng, linh hoạt, coi khen thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng có kế thừa các giá trị truyền thống.
- Quan tâm và có trách nhiệm đối với các hoạt động xã hội và cộng đồng.

d. Quy trình kinh doanh và quản trị nội bộ:

- Nâng cao năng lực lập kế hoạch và hiệu suất nội tại của các hoạt động chuyên môn; rút ngắn thời gian thực hiện các nghiệp vụ và kiểm soát thực hiện kế hoạch gắn liền với các chỉ tiêu kế hoạch đã được xác định.
- Giảm thiểu số lượng văn bản về quản lý, quản trị và vận hành nhưng vẫn đảm bảo doanh nghiệp được quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhất.
- Đảm bảo máy móc thiết bị, công trình xây dựng được quản lý và vận hành an toàn, hiệu quả thông qua các quy định được chuẩn hóa.
- Tăng cường phân cấp và phân quyền trong quản lý và điều hành gắn liền với công tác giám sát thường xuyên và tăng trách nhiệm giải trình của các cấp để quản trị rủi ro.
- Áp dụng các hệ thống quản lý ISO, 5S một cách thực chất.

e. Các công tác khác:

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho GHC.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT.
- Theo dõi tiến độ triển khai công việc thực hiện các dự án mà GHC tham gia góp vốn.

Dựa trên tình hình thực tế về thời tiết, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng, định hướng một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 cơ bản như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	TH 2018	So sánh (%) KH2019/TH 2018
A	B	C	1	2	3=1/2
1	Điện thương phẩm	tr kWh	155,91	127,35	122%
	<i>NM TĐ H'Chan</i>	<i>tr kWh</i>	<i>53,28</i>	<i>56,94</i>	<i>94%</i>
	<i>NM TĐ H'Mun</i>	<i>tr kWh</i>	<i>65,22</i>	<i>70,41</i>	<i>93%</i>
	<i>NM ĐMT TTC Hàm Phú 2</i>	<i>tr kWh</i>	<i>37,41</i>		
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	227,80	162,83	140%
2.1	<i>Doanh thu bán điện</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>227,80</i>	<i>156,09</i>	<i>146%</i>
	<i>NMTĐ H'Chan</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>65,71</i>	<i>69,00</i>	<i>95%</i>
	<i>NMTĐ H'Mun</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>82,52</i>	<i>87,09</i>	<i>95%</i>
	<i>NM ĐMT TTC Hàm Phú 2</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>79,57</i>		
2.2	<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>tỷ đ</i>		<i>6,55</i>	<i>0%</i>
2.3	<i>Thu nhập khác</i>	<i>tỷ đ</i>		<i>0,19</i>	<i>0%</i>
3	Tổng chi phí	tỷ đ	118,42	53,22	223%
3.1	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>82,69</i>	<i>49,14</i>	<i>168%</i>
	<i>NMTĐ H'Chan</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>20,35</i>	<i>19,17</i>	<i>106%</i>
	<i>NMTĐ H'Mun</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>32,48</i>	<i>29,97</i>	<i>108%</i>
	<i>NM ĐMT TTC Hàm Phú 2</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>29,86</i>		
3.2	<i>Chi phí tài chính</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>28,04</i>	<i>0,08</i>	<i>36529%</i>
3.3	<i>Chi phí quản lý DN</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>7,69</i>	<i>3,48</i>	<i>221%</i>
3.4	<i>Chi phí khác</i>	<i>tỷ đ</i>		<i>0,52</i>	<i>0%</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	109,38	109,61	100%
5	Thuế TNDN	tỷ đ	8,55	8,93	96%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	100,83	100,68	100%

PHẦN E: QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Hà Quốc Kiệt	Chủ tịch HĐQT
2.	Phạm Trọng Quý Châu	Thành viên HĐQT
3.	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT
4.	Hà Nguyên Hoàng	Thành viên HĐQT

Tóm tắt sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : Hà Quốc Kiệt
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 20/12/1976
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 230507154
Nguyên quán : Phù Mỹ - Bình Định
Địa chỉ thường trú : Mạc Đĩnh Chi, P.Hoa Lư, Pleiku, Gia Lai
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000-2003	Thủy điện AYun Hạ	Kỹ thuật viên
2003-2006	Phòng kỹ thuật Công ty CP Điện Gia Lai	Kỹ thuật viên
2006-2013	Phòng QLSX Công ty CP Điện Gia Lai	Phó phòng
2013-2016	Chi nhánh Điện TTC Chư Proong	Giám đốc
2016-2017	Chi nhánh TTC Hồ Chí Minh	Giám đốc
2017 đến 2018	Công ty CP Năng lượng TTC	Phó giám đốc kỹ thuật

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	Công ty CP Điện gió Mê Kông	kiêm Giám đốc
2019	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Phó Giám đốc khối năng lượng

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc khối năng lượng Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công
Kiêm Giám đốc Công ty CP Điện Gió Mê Kông

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm : 5.000 CP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị:**

Họ và tên: **Nguyễn Đình Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/3/1963

Nơi sinh: Kon Tum

CMND: số 230690452 do Công an Gia Lai cấp ngày 11/03/2010

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hoài Nhơn - Bình Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác

Từ năm 09/1990 – tháng 12/1993 Nhân viên kỹ thuật Công ty Điện Gia Lai

Từ tháng 01/1994 – tháng 12/1998 Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Điện Gia Lai

Từ tháng 01/1999 – tháng 12/2001 Trưởng phòng Kế hoạch- Kỹ thuật Công ty Điện Gia Lai

Từ tháng 12/2001 – tháng 7/2002 Trưởng phòng KTVT–XDCB Công ty Điện Gia Lai

Từ tháng 8/2002 – tháng 05/2008	Giám đốc Công ty TNHH ĐT và PT Điện Gia Lai
Từ tháng 06/2008 – tháng 03/2011	Giám đốc Công ty CP Thủy điện Gia Lai
Từ tháng 04/2011 – 9/2014	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai TV HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
Từ tháng 10/2014 đến 01/2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai CT HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
Từ tháng 01/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai TV HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:	Phó Tổng giám Công ty CP Điện Gia Lai
Số cổ phần nắm giữ :	20.000 cổ phần, chiếm 0,097% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	20.000 cổ phần, chiếm 0,097% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
❖ Thành viên Hội đồng quản trị	
Họ và tên:	Hà Nguyên Hoàng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1983
Nơi sinh:	Ân Mỹ - Hoài Ân – Bình Định
CMND:	số 211739931 Ngày cấp 25/01/2010
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Ân Mỹ - Hoài Ân – Bình Định
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ tự động hóa
Quá trình công tác	
Từ 2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Điện Gia Lai
Từ 2017 đến nay	Giám đốc Khối năng lượng – Công ty CP đầu tư Thành Thành Công
Từ 05/1/2015 đến 2017:	Giám đốc khối kỹ thuật – Công ty CP Điện Gia Lai
Từ 2013 đến 04/01/2014:	Giám đốc TT PTCN – Công ty CP Điện Gia Lai
Từ 2009 – 2013:	Phó phòng kỹ thuật Công ty CP Điện Gia Lai
Từ 2005 – 2009:	Nhân viên phòng KT-VT-XDCB Công ty Điện Gia Lai
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Khối năng lượng – Công ty CP đầu tư Thành Thành Công. Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Điện Gia Lai
Số cổ phần nắm giữ :	15.000 cổ phần, chiếm 0,73% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	15.000 cổ phần, chiếm 0,73% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

❖ Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên : Phạm Trọng Quý Châu
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 26/09/1976
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 022996131
Nguyên quán : Nghệ An
Địa chỉ thường trú : Điện Biên Phủ, P.4, Q.3, TP.HCM
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/2017 - nay	Công ty CP Năng lượng TTC	Giám đốc
5 - 10/2017	Công ty CP Du lịch Núi Tà Cú	Giám đốc
1 - 5/2017	Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Giám đốc
10 - 12/2016	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Chuyên viên VP HĐĐH
4 - 9/2016	Công ty CP Giáo dục Thành Thành Công	Phó Phòng NC & PT

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP Năng lượng TTC

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

II. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2018:

Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai nhiệm kỳ 2018 – 2023:

-  Ông Lê An Khang - Chủ tịch HĐQT
-  Ông Hà Quốc Kiệt - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
-  Ông Nguyễn Đình Tuấn - Thành viên HĐQT
-  Ông Hà Nguyên Hoàng - Thành viên HĐQT
-  Ông Phạm Trọng Quý Châu - Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị đã thống nhất thôi nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và thôi tham gia vào Hội đồng quản trị đối với ông Lê An Khang kể từ ngày 31/12/2018. Thống nhất bầu ông Hà Quốc Kiệt giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 01/01/2019.

III. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Ngày 19/03/2018, HĐQT thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT để tiến tới mô hình quản trị kiểm soát không có Ban kiểm soát và tiệm cận với mô hình quản trị Công ty theo thông lệ quốc tế.

IV. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

a. Các cuộc họp của HĐQT năm 2018 :

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Hà Quốc Kiệt	Chủ tịch HĐQT	100%
2	Ông Phạm Trọng Quý Châu	Thành viên HĐQT	100%
3	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	100%
4	Ông Hà Nguyên Hoàng	Thành viên HĐQT	100%

b. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Ông Phạm Trọng Quý Châu và Ông Hà Quốc Kiệt - giám sát những người quản lý, điều hành, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông một cách công khai và minh bạch, đặc biệt là các cổ đông nhỏ. Ngoài ra đưa ra những ý kiến khách quan nhằm bảo vệ lợi ích của công ty mà không vì lợi ích riêng của một cá nhân hay một nhóm người nào đó.

c. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Thành viên HĐQT, Ban Điều hành Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về công tác quản trị. Các thành viên HĐQT/BĐH sẽ sắp xếp thời gian tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty do các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

V. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2018, Công ty đã chi tổng lương thưởng cho các Thành viên HĐQT, BKS, Ban GD là: 1.080.800.999 đồng.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người / Tổ chức thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
		Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Đình Tuấn Thành viên HĐQT	20.000	0,005	10.000	0,048	
2	Ông Phan Thanh Lạc	15.400	0,075	2.000	0,009	Người nội bộ: Nguyễn Thị Điều Phụ trách CBTT

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>ng nghiệp vụ</i>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Doanh thu bán điện	156.090.619.133	166.093.458.341
		Chia cổ tức	2.400.000.000	1.980.000.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Chia cổ tức	47.677456.000	39.333.901.200
		Mua tài sản cố định	19.841.431.547	3.095.164.545
		Mua hàng hóa và dịch vụ	594.266.930	1.323.981.986
		Chi phí được chi hộ	669.232.252	1.101.779.099
		Thanh lý khoản đầu tư		19.200.000.000
		Lãi từ thanh lý khoản đầu tư		7.200.000.000

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng quản trị công ty theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Kế toán, Luật quản lý thuế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Hội đồng quản trị tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành SXKD của Công ty.
- Ban Giám đốc điều hành hoạt động SXKD hàng ngày của Công ty theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; hoàn hành vượt mức kế hoạch được giao.

PHẦN F: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC(Việt Nam)

Mai Viết Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: **HCM7639**
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2019

Võ Ngọc Huyền
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2018-006-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		103.442.777.125	195.924.987.526
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.093.266.405	127.941.504.646
111	Tiền		17.093.266.405	25.441.504.646
112	Các khoản tương đương tiền		-	102.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		47.710.166.455	65.682.889.098
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25(b)	16.451.155.183	21.619.937.167
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	21.612.152.464	43.044.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	9.646.858.808	1.018.951.931
140	Hàng tồn kho	6	2.072.517.538	2.283.206.584
141	Hàng tồn kho		2.072.517.538	2.283.206.584
150	Tài sản ngắn hạn khác		36.566.826.727	17.387.198
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		91.714.775	-
152	Thuế GTGT được khấu trừ	10(b)	36.475.111.952	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10(b)	-	17.387.198
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		359.645.706.414	219.386.116.153
220	Tài sản cố định		198.697.346.163	218.346.945.483
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	197.277.017.888	216.917.986.508
222	Nguyên giá		399.693.654.402	396.562.068.089
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(202.416.636.514)	(179.644.081.581)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	1.420.328.275	1.428.958.975
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(72.641.725)	(64.011.025)
240	Tài sản dở dang dài hạn		159.592.275.030	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	159.592.275.030	-
260	Tài sản dài hạn khác		1.356.085.221	1.039.170.670
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.356.085.221	1.039.170.670
270	TỔNG TÀI SẢN		463.088.483.539	415.311.103.679

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		110.416.769.049	76.289.212.720
310	Nợ ngắn hạn		110.416.769.049	76.289.212.720
311	Phải trả người bán ngắn hạn	9	38.913.147.225	3.927.400.841
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	10(a)	4.510.220.643	10.741.410.320
314	Phải trả người lao động		85.893.562	136.602.794
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		161.951.325	60.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	11	4.824.709.404	51.049.630.532
320	Vay ngắn hạn	12	49.986.984.250	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	11.933.862.640	10.374.168.233
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		352.671.714.490	339.021.890.959
410	Vốn chủ sở hữu		352.671.714.490	339.021.890.959
411	Vốn góp của chủ sở hữu	14, 15	205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		205.000.000.000	205.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	15	52.499.670.000	52.499.670.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	15	60.358.777.490	47.026.090.100
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	15	34.813.267.000	34.496.130.800
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		3.746.130.859	1.619.252.600
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		31.067.136.141	32.876.878.255
440	TỔNG NGUỒN VỐN		463.088.483.539	415.311.103.679

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	Doanh thu bán hàng	156.090.619.133	166.093.458.341
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	156.090.619.133	166.093.458.341
11	Giá vốn hàng bán	49.142.272.402	49.536.000.048
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	106.948.346.731	116.557.458.293
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.550.587.821	12.506.576.676
22	Chi phí tài chính	76.755.346	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	76.692.359	-
25	Chi phí bán hàng	-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.477.351.979	3.664.752.539
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	109.944.827.227	125.399.282.430
31	Thu nhập khác	185.096.042	455.007.326
32	Chi phí khác	519.148.409	61.245.295
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(334.052.367)	393.762.031
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	109.610.774.860	125.793.044.461
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	8.926.750.090	10.991.357.088
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	100.684.024.770	114.801.687.373

70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17(a)	4.666	5.320
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17(b)	4.666	5.320

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kê toán trước thuế	109.610.774.860	125.793.044.461
02	Điều chỉnh cho các khoản: Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	22.781.185.633	22.329.013.408
04	Lô chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	62.441	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(6.541.101.447)	(12.810.069.658)
06	Chi phí lãi vay	76.692.359	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	125.927.613.846	135.311.988.211
09	Tăng các khoản phải thu	(19.115.668.778)	(19.088.797.429)
10	Giảm hàng tồn kho	210.689.046	2.118.598
11	Tăng các khoản phải trả	33.956.158.410	1.737.849.399
12	Tăng chi phí trả trước	(408.629.326)	(88.152.233)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(13.802.357.087)	(7.757.918.115)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	30.000.000	20.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(3.474.506.832)	(1.914.416.677)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	123.323.299.279	108.222.671.754
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(162.723.861.343)	(3.984.271.292)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	710.000.000
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	62.483.562.000
27	Thu lãi cho vay và tiền gửi	7.141.768.114	5.140.742.012
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(155.582.093.229)	64.350.032.720
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn	49.986.984.250	-
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(128.576.366.100)	(65.388.827.151)

40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(78.589.381.850)	(65.388.827.151)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(110.848.175.800)	107.183.877.323
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	127.941.504.646	20.757.627.323
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(62.441)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	17.093.266.405	127.941.504.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần ThủyĐiện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 4 tháng 1 năm 2019.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GHC.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 67 nhân viên (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018: 47 nhân viên).

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có 1 chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai – Chi nhánh TTC Bình Thuận tại K45 Tôn Đức Thắng, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hay “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền cho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản khác	3 - 25 năm

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 40 - 43 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.8 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.10 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.11 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho máy móc, thiết bị và dịch vụ đã mua được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.12 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Vốn cổ phần

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thụ nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2.15 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt nam có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

2.16 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

2.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.21 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

2.22 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	14.161.741	23.415.588
Tiền gửi ngân hàng	17.079.104.664	25.418.089.058
Các khoản tương đương tiền (*)	-	102.500.000.000
	<u>17.093.266.405</u>	<u>127.941.504.646</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng.

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp NSN	18.684.421.015	-
Công ty TNHH Nhất Nước	2.325.000.000	-
Khác	602.731.449	44.000.000
	<hr/>	<hr/>
	21.612.152.464	44.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))	-	43.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	21.612.152.464	43.044.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký quỹ, ký cược	5.761.410.697	-
Tạm ứng cho người lao động	2.411.935.720	10.741.900
Lãi phải thu	-	600.666.667
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 25(b))	1.452.004.369	402.329.789
Khác	21.508.022	5.213.575
	<hr/>	<hr/>
	9.646.858.808	1.018.951.931
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên vật liệu	174.115.648	314.470.294
Công cụ, dụng cụ	1.898.401.890	1.968.736.290
	<hr/>	<hr/>
	2.072.517.538	2.283.206.584
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<hr/>	<hr/>
	2.072.517.538	2.283.206.584
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	193.478.121,7	159.197.129.173	3.250.072,20	161.650.000	40.475.094.969	396.562.068.089
Mua trong năm	2.525.995,4	-	-	-	605.590.865	3.131.586.313
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>196.004.117,1</u>	<u>159.197.129.173</u>	<u>3.250.072,20</u>	<u>161.650.000</u>	<u>41.080.685.834</u>	<u>399.693.654.402</u>
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	82.889.332,€	71.931.427.127	836.924.545	62.917.284	23.923.479.965	179.644.081.581
Khấu hao trong	9.904.134,4	9.488.832.485	173.065.044	28.205.004	3.178.317.914	22.772.554.933

năm						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	92.793.467.1	81.420.259.612	1.009.989.58	91.122.288	27.101.797.879	202.416.636.514
Giá trị còn lại Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	110.588.789.0	87.265.702.046	2.413.147.66	98.732.716	16.551.615.004	216.917.986.508
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	103.210.650.0	77.776.869.561	2.240.082.62	70.527.712	13.978.887.955	197.277.017.888

Tại ngày cuối năm, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 2.884,3 triệu đồng (tại ngày đầu năm: 121,3 triệu đồng).

Tại ngày cuối năm, tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (Thuyết minh 7(b)) của Công ty liên quan đến dự án thủy điện H'Chan và H'Mun với tổng giá trị còn lại là 199 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 217 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản đảm bảo bổ sung cho khoản vay chưa giải ngân tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Gia Lai.

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	
và ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.492.970.000
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	64.011.025
Khấu hao trong năm	8.630.700
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	72.641.725
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.428.958.970
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.420.328.270
	<hr/> <hr/>

8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2 (*)	159.351.674.483	-
Bản quyền phần mềm, triển khai giải pháp	240.600.547	-
	<hr/>	<hr/>
	159.592.275.030	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, Công ty thông qua chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 với tổng mức đầu tư là 1.017,452 tỷ đồng.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	-	-
Mua sắm	159.592.275.030	-
Số dư cuối năm	159.592.275.030	-

Tại ngày cuối năm, tài sản liên quan đến dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 với tổng giá trị là 159,35 tỷ đồng để làm tài sản đảm bảo bổ sung cho khoản vay chưa giải ngân của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Gia Lai.

9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba		
Sharp Solar Solution Asia Co., Ltd	33.297.773.238	-
Khác	2.438.720.787	266.220.912
	35.736.494.025	266.220.912
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))	3.176.653.200	3.661.179.929
	38.913.147.225	3.927.400.841

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn.

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp ngân sách Nhà Nước trong năm như sau:

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cán trừ/ phân loại lại VND	Số cuối năm VND
(a) Phải nộp					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.401.983.708	8.926.750.090	(13.802.357.087)	-	2.526.376.711
Thuế giá trị gia tăng	1.563.593.318	15.631.583.397	(13.767.560.602)	(3.427.616.113)	-
Thuế tài nguyên	1.310.862.663	10.955.951.183	(11.552.182.045)	-	714.631.801
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.559.130.555	(1.631.717.726)	(17.387.198)	910.025.631
Khác	464.970.631	519.336.000	(625.120.131)	-	359.186.500
	<u>10.741.410.320</u>	<u>38.592.751.225</u>	<u>(41.378.937.591)</u>	<u>(3.445.003.311)</u>	<u>4.510.220.643</u>
(b) Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng – nội địa	-	7.489.410.459	-	(3.427.616.113)	4.061.794.346
Thuế giá trị gia tăng – nhập khẩu	-	-	(32.413.317.606)	-	32.413.317.606
Thuế thu nhập cá nhân	17.387.198	-	-	(17.387.198)	-
	<u>17.387.198</u>	<u>7.489.410.459</u>	<u>(32.413.317.606)</u>	<u>(3.445.003.311)</u>	<u>36.475.111.952</u>

11 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 17)	3.107.485.001	49.683.851.101
Phí bảo vệ môi trường rừng	1.288.448.784	1.285.026.896
Khác	428.775.619	80.752.535
	<u>4.824.709.404</u>	<u>51.049.630.532</u>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))	334.443.986	28.807.520.922
Bên thứ ba	4.490.265.418	22.242.109.610
	<u>4.824.709.404</u>	<u>51.049.630.532</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn thanh toán.

12 VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Tăng VND	Giảm VND	Số cuối năm VND
Vay ngân hàng	-	49.986.984.250	-	49.986.984.250

Vay ngắn hạn bao gồm khoản vay có thể chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) – Chi nhánh Gia Lai, thời gian đáo hạn của các khoản vay này là trong vòng 5 tháng kể từ ngày giải ngân của từng khế ước và chịu lãi suất cố định. Mục đích của khoản vay là chi trả cổ tức năm 2018. Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty cổ phần Điện Gia Lai với tổng giá trị là 52 tỷ đồng được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn này.

13 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	10.374.168.233	6.548.500.542
Tăng trong năm (Thuyết minh 15)	5.034.201.239	5.740.084.368
Sử dụng trong năm	(3.474.506.832)	(1.914.416.677)
Số dư cuối năm	<u>11.933.862.640</u>	<u>10.374.168.233</u>

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	20.500.000	20.500.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	11.919.364	58,14	11.919.364	58,14
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	600.000	2,93	600.000	2,93
Các cổ đông khác	7.980.636	38,93	7.980.636	38,93
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.500.000	100,00	20.500.000	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2018	20.500.000	205.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	11.227.145.000	297.610.287.954
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	114.801.687.373	114.801.687.373
Cổ tức công bố (Thuyết minh 17)	-	-	-	(67.650.000.000)	(67.650.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	18.142.617.221	(18.142.617.221)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc	-	-	-	(5.740.084.368)	(5.740.084.368)

lợi
(Thuy
ết
minh
13)

Tại
ngày
31
tháng
12 năm
2017
Lợi
nhuận
trong
năm
Cổ tức
công bố
(Thuyết
minh 17)
(*)
Trích
quỹ
đầu tư
phát
triển
(**)
Trích
quỹ
khen
thưởn
g,
phúc
lợi

205.000.000.000

52.499.670.000

47.026.090.100

34.496.130.8
100.684.024.7

339.021.890.959
100.684.024.770

-

-

-

(82.000.000.000)

(82.000.000.000)

-

-

13.332.687.390

(13.332.687.390)

-

-

-

-

(5.034.201.239)

(5.034.201.239)

-

-

(Thuy
ết
minh
13)
(**)

	—	—	—		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	205.000.000.000	52.499.670.000	60.358.777.490	34.813.267.000	352.671.714.490
	=	=	=	=	=

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ15 tháng 3 năm 2018 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 09/2018/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 11 năm 2018 về việc chi bổ sung cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ (tương đương 30,75 tỷ đồng) và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% vốn điều lệ (tương đương 51,25 tỷ đồng).

(**) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ 15 tháng 3 năm 2018.

16 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	100.684.024.770	114.801.687.373
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(5.034.201.239)	(5.740.084.368)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>95.649.823.531</u>	<u>109.061.603.005</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	20.500.000	20.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>4.666</u>	<u>5.320</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2018 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 của Công ty được quyết định trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 của công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

17 CỔ TỨC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	49.683.851.101	47.422.678.252
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 15)	82.000.000.000	67.650.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(128.576.366.100)	(65.388.827.151)
Số dư cuối năm	<u>3.107.485.001</u>	<u>49.683.851.101</u>

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 295,44 Đô la Mỹ (tại ngày đầu năm: không có).

19 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện	156.090.619.133	166.093.458.341

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán điện	49.142.272.402	49.536.000.048

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.409.268.115	2.272.993.145
Lãi ứng trước tiền hàng (Thuyết minh 25(a))	3.131.833.332	2.121.930.557
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư (Thuyết minh 25(a))	-	7.200.000.000
Tiền lãi phạt chậm thanh toán (Thuyết minh 25(a))	-	911.652.974
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.486.374	-
	<u>6.550.587.821</u>	<u>12.506.576.676</u>

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	1.680.015.183	1.471.797.465
Chi phí nhiên liệu vật liệu	50.529.255	43.133.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.678.894	12.139.154
Chi phí khấu hao	6.875.004	80.962.229
Chi phí khác	1.708.253.643	2.056.720.271
	<u>3.477.351.979</u>	<u>3.664.752.539</u>

23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2049/GCN-UB ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cho dự án thủy điện H’Chan, Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006), thuế TNDN được miễn trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 391210000007/GCN-UB ngày 15 tháng 1 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cho dự án thủy điện H’Mun, Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng Công ty được áp dụng thuế suất 20% và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kê toán trước thuế	109.610.774.860	125.793.044.461
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	1.208.175.486	845.087.273
Thù lao Hội đồng Quản trị	475.687.097	375.000.000
Thu nhập tính thuế ước tính:		
Dự án thủy điện H’Chan	50.336.912.477	54.666.288.76
Dự án thủy điện H’Mun	57.816.405.261	62.113.259.43
Thu nhập khác	3.141.319.705	10.233.583.52
Chi phí thuế TNDN		
Dự án thủy điện H’Chan	5.033.691.248	5.466.628.87
Dự án thủy điện H’Mun	11.563.281.052	12.422.651.88
Thu nhập khác	628.263.941	2.046.716.70
Thuê được miễn hoặc giảm		
Dự án thủy điện H’Chan	(2.516.845.624)	(2.733.314.43)
Dự án thủy điện H’Mun	(5.781.640.527)	(6.211.325.94)
Chi phí thuế TNDN (*)	8.926.750.090	10.991.357.08
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	8.926.750.090	10.991.357.08
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	8.926.750.090	10.991.357.08

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm kê toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao	22.781.185.633	22.329.013.408
Chi phí nhân viên	8.868.873.203	8.698.228.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.888.300.080	143.756.195
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	746.142.029	614.605.830
Khác	18.335.123.436	21.415.148.335
	<u>52.619.624.381</u>	<u>53.200.752.587</u>

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do chiếm 58,14% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan.

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Chia cổ tức	47.677.456.000	39.333.901.200
		Mua tài sản cố định	19.841.431.547	3.095.164.545
		Mua hàng hóa và dịch vụ	594.266.930	1.323.981.986
		Chi phí được chi hộ	669.232.252	1.101.779.099
		Thanh lý khoản đầu tư	-	19.200.000.000
		Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 21)	-	7.200.000.000
			<u>-</u>	<u>7.200.000.000</u>
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Doanh thu bán điện	156.090.619.133	166.093.458.341
		Chia cổ tức	2.400.000.000	1.980.000.000
			<u>156.090.619.133</u>	<u>166.093.458.341</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	4.015.077.041	-
		Lãi chậm thanh toán (Thuyết minh 21)	-	911.652.974
			<u>4.015.077.041</u>	<u>911.652.974</u>
Công ty Cổ phần	Bên liên	Lãi ứng trước tiền	3.131.833.332	2.121.930.557

Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	quan hàng khác	Ứng trước tiền mua hàng	-	43.000.000.000
		Thu ứng trước tiền hàng	43.000.000.000	-
			<u>43.000.000.000</u>	<u>-</u>

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.080.800.999	1.030.987.396
	<u>1.080.800.999</u>	<u>1.030.987.396</u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Cổ đông		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	16.451.155.183	21.619.937.167
	<u>16.451.155.183</u>	<u>21.619.937.167</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 4)		
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	-	43.000.000.000
	<u>-</u>	<u>43.000.000.000</u>
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5)		
Bên liên quan khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.452.004.369	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	-	351.763.889
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	-	50.565.900
	<u>1.452.004.369</u>	<u>402.329.789</u>

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 9)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	1.705.077.200	3.655.946.000
Bên liên quan khác Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.471.576.000	5.233.929
	<u>3.176.653.200</u>	<u>3.661.179.929</u>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 11)		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	334.443.986	27.427.520.922
Cổ đông Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	1.380.000.000
	<u>334.443.986</u>	<u>28.807.520.922</u>

26 CAM KẾT VỀ CHỈ TIÊU TẠO LẬP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Máy móc, thiết bị	<u>767.436.525.924</u>	<u>-</u>

27 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

28 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa có hướng dẫn từ cơ quan chức năng về dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.